

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 07/2024/DS-
ST

Ngày: 27-6-2024

“V/v: Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mai Đào

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Từ Vương Việt

2. Bà Đinh Thị Thườn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tín – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Bạch Nam Chu Lai – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2023, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trương Văn T**, sinh năm: 1978, địa chỉ: **Thôn A, xã V, huyện V, tỉnh Bình Định** – Có mặt.

- Đồng Bị đơn:

+ Bà **Nguyễn Thị Thanh V**, sinh năm: 1969, địa chỉ: **Thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Bình Định**.

+ Ông **Trương Thanh K**, sinh năm: 1969, địa chỉ: **Thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Bình Định**.

Bà **V** và ông **K** đều vắng mặt lần 02 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 11/6/2023, được bổ sung bằng các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông **Trương Văn T** trình bày:*

Ông và vợ chồng bà **V** ông **K** (gọi tắt: *Vợ chồng bà **V***) vốn có họ hàng xa với nhau; Vào ngày 22/12/2020, vợ chồng bà **V** có vay tiền của ông 100.000.000 đồng để lo việc gia đình, có viết giấy mượn tiền (01 bản), đưa cho ông giữ làm tin, hẹn đến cuối năm 2020 sẽ trả đủ số tiền trên cho ông. Tại thời điểm vay tiền, các bên thỏa thuận số tiền 100.000.000 đồng này không tính lãi suất. Đến hẹn, vợ chồng bà **V** trả cho ông được 15.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền gốc 85.000.000 đồng.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà **V** phải trả cho ông số tiền gốc là 85.000.000 đồng và cộng thêm tiền lãi theo quy định kể từ ngày 01/01/2021 cho đến nay.

*Đồng bị đơn vợ chồng bà **V**, ông **K** vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có lời khai trong hồ sơ vụ án.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông **T**, buộc đồng bị đơn bà **V** ông **K** liên đới nghĩa vụ trả cho ông **T** số tiền gốc 85.000.000 đồng và tiền lãi tính theo mức lãi suất **Ngân hàng N – chi nhánh huyện V** đã cung cấp.

- Đồng bị đơn bà **V** ông **K** là đương sự thua kiện nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Đồng bị đơn bà **V** ông **K** cư trú tại **huyện V** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng, đủ về thủ tục tố tụng, tạo điều kiện, đảm bảo quyền của đương sự tham gia tố tụng theo quy định. Nguyên đơn ông **T** chấp hành, riêng đồng bị đơn bà **V** và ông **K** vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tòa án niêm yết, tổng đạt, triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay, đồng bị đơn bà **V** và ông **K** vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với đồng bị đơn bà **V** và ông **K**.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Vụ việc tranh chấp:

Ngày 22/12/2020 vợ chồng bà **V** viết “Giấy mượn tiền”, có ký, ghi rõ họ và tên xác nhận vay tiền của ông **T** là 100.000.000 đồng, trong Giấy mượn tiền có ghi “Số tiền này không tính lãi suất”, hẹn trả đủ tiền gốc vào cuối năm 2020.

Đến hạn trả, vợ chồng bà **V** trả cho ông **T** được 15.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền gốc 85.000.000 đồng. Ông **T** nhiều lần đòi nợ, vợ chồng bà **V** hứa hẹn nhưng không trả. Cho đến nay, vợ chồng bà **V** chưa trả thêm được cho ông **T** khoản tiền nào.

[2.2]. Xét yêu cầu của đương sự:

Xét: Nguyên đơn ông **T** yêu cầu đồng bị đơn vợ chồng bà **V** phải trả cho ông **T** số tiền gốc là: 85.000.000 đồng (100.000.000 đồng – 15.000.000 đồng), yêu cầu tính lãi từ ngày 01/01/2021 cho đến nay. Vợ chồng bà **V** không thiện chí hợp tác,

vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không gửi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xem như tự từ bỏ quyền lợi của bản thân cũng như không phản đối, không bác bỏ yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Về lãi suất: Việc vợ chồng bà **V** vay tiền ông **T** vốn thuộc trường hợp vay không có lãi, nhưng do khi đến hạn trả mà vợ chồng bà **V** không trả đầy đủ nên ông **T** có quyền yêu cầu trả tiền lãi theo quy định. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông **T** là có cơ sở được chấp nhận.

Xét, theo Công văn số 116/NHNO.VT ngày 26/6/2024 của **Ngân hàng N - Chi nhánh huyện V** về việc cung cấp thông tin (Theo Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ của Tòa án), thì số tiền lãi mà ông **T** yêu cầu được tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 27/6/2024 (03 năm 05 tháng 26 ngày), áp mức lãi suất vay trung hạn 10,5%/năm, thành tiền 31.138.333 đồng.

Xét, bà **V** và ông **K** là vợ chồng hợp pháp, theo quy định tại các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, bà **V** và ông **K** phải có nghĩa vụ chung đối với khoản vay và phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông **T** tổng số tiền là: 116.138.333 đồng (Trong đó: Tiền gốc là 85.000.000 đồng; Tiền lãi tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 27/6/2024 là 31.138.333 đồng).

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35, 39, 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Trương Văn T** đối với đồng bị đơn vợ chồng bà **Nguyễn Thị Thanh V** và ông **Trương Thanh K**: Buộc vợ chồng bà **V** và ông **K** phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông **T** tổng số tiền 116.138.333 đồng (Một trăm mười sáu triệu một trăm ba mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng (Trong đó: Tiền gốc là 85.000.000 đồng; Tiền lãi tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 27/6/2024 là 31.138.333 đồng)).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Đồng bị đơn vợ chồng bà **Nguyễn Thị Thanh V** và ông **Trương Thanh K** phải cùng chịu 5.806.917 đồng (Năm triệu tám trăm lẻ sáu nghìn chín trăm mười bảy đồng) sung ngân sách Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc

bản án được niêm yết, đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA – TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- CCTHADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Đinh Thị Mai Đào

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Từ Vương Việt

Đinh Thị Thườn

Đinh Thị Mai Đào